

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình:	Kinh tế - chuyên ngành Quản lý kinh tế (Economic Management)
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Quản lý kinh tế
Mã ngành:	7310101
Hình thức đào tạo:	Chính quy

1. Mục tiêu, chuẩn đầu ra

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản lý kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và có trách nhiệm với xã hội, nắm vững các kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, có kiến thức chuyên sâu về quản lý Nhà nước, quản lý các tổ chức có hoạt động kinh tế, có trình độ cao về thực hành, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành quản lý kinh tế.

1.2. Chuẩn đầu ra

1.2.1. Về kiến thức

1.2.1.1. Kiến thức thực tế vững chắc; kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo

- Hiểu biết và vận dụng các kiến thức khoa học cơ bản của nhóm ngành kinh tế vào giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo.

- Vận dụng các kiến thức cơ sở của khối ngành và cơ sở ngành làm nền tảng nghiên cứu chuyên sâu và giải quyết các vấn đề kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Hiểu biết và vận dụng các kiến thức kinh tế chung và các quy luật kinh tế thị trường làm cơ sở xác lập khoa học cho việc ra quyết định quản lý.

- Kiến thức chuyên sâu về phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và chương trình – dự án phát triển kinh tế xã hội.

- Thực hiện tốt các chức năng quản lý như lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch, kiểm tra và đánh giá trong thực tiễn quản lý kinh tế trên cấp độ nền kinh tế, vùng ngành, lĩnh vực và địa phương hoặc các tổ chức kinh tế.

1.2.1.2. Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật:

Lĩnh hội được các kiến thức về lý luận Chính trị Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để xác lập thái độ chính trị, ý thức công dân và ý thức cộng đồng trong hành vi và các ứng xử hàng ngày. Hình thành được thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận trong học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

1.2.1.3. Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc;

- Sinh viên đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin theo Thông tư số: 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 11/3/2014.

1.2.1.4. Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong mọi lĩnh vực hoạt động cụ thể:

- Hình thành năng lực làm việc độc lập, có khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quản lý. Có năng lực nhận định tình huống, xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch, ra quyết định để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

1.2.1.5. Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn:

- Có khả năng lập luận, tư duy hệ thống, giải quyết các vấn đề, khám phá và nghiên cứu kiến thức trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

- Có đủ năng lực phân tích tình hình môi trường kinh doanh để xây dựng phương án kinh doanh phù hợp. Có năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn; sáng tạo, phát triển trong nghề nghiệp; khả năng thích ứng cao với hoàn cảnh kinh doanh, dám đương đầu với thử thách.

1.2.2. Về kỹ năng

1.2.2.1. Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp:

- Có khả năng lập luận, tư duy hệ thống, giải quyết các vấn đề, khám phá và nghiên cứu kiến thức trong lĩnh vực quản lý kinh tế. Hình thành năng lực làm việc độc lập, có khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn quản lý. Phải có kỹ năng làm việc theo nhóm một cách có hiệu quả chứ không chỉ làm việc độc lập.

1.2.2.2. Kỹ năng dẫn dắt, tạo việc làm cho mình và tạo động lực người khác:

- Thực hành tốt các kỹ năng giao tiếp, đàm phán và quan hệ công chúng trong quản lý kinh tế. Sử dụng thành thạo các trang thiết bị văn phòng, phục vụ có hiệu quả cho công việc. Có kỹ năng làm việc độc lập; tự học hỏi, tìm tòi và sáng tạo, làm việc có kế hoạch và khoa học.

1.2.2.3. Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi:

- Phải biết phản biện ý kiến của cấp trên, đồng cấp và cấp dưới, biết vận dụng, ra quyết định một cách linh hoạt trong những trường hợp có sự thay đổi của môi trường hay môi trường không xác định.

1.2.2.4. Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm:

- Có kỹ năng quản lý thời gian, phân bổ công việc cá nhân, có khả năng làm việc nhóm và một số kỹ năng quản lý, lãnh đạo. Biết đánh giá chất lượng công việc cũng như kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. Biết động viên các thành viên trong nhóm và đánh giá đúng năng lực, trách nhiệm của các thành viên trong nhóm.

1.2.2.5. Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc, chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể và phức tạp:

- Có khả năng truyền đạt tốt không chỉ là truyền đạt mệnh lệnh mà còn phải có khả năng phổ biến các kiến thức, các kỹ năng trong việc thực hiện các nhiệm vụ cụ thể và phức tạp để cấp dưới có thể hiểu và làm việc đúng theo ý mình và ý kiến của tổ chức.

1.2.2.6. Ngoại ngữ: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam

1.3.1. Mức tự chủ và trách nhiệm

1.3.1.1. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

- Vừa có khả năng làm việc độc lập nhưng cũng phải biết làm việc theo nhóm, linh hoạt, năng động trong những điều kiện thay đổi. Phải biết chịu trách nhiệm cá nhân đối với cấp trên, cấp dưới cũng như phải biết chịu trách nhiệm đối với nhóm.

1.3.1.2. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định

- Ngoài việc biết truyền đạt, phải biết hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát và giám sát được những người khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao

1.3.1.3. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

- Không được ba phải, phải biết định hướng, nắm vững chuyên môn để có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân của mình cũng như đưa ra được những kết luận liên quan đến chuyên môn và công việc mà mình đảm trách

1.3.1.4. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

- Biết lập kế hoạch, điều phối tiềm năng và nguồn lực thực hiện, quản lý các nguồn lực. Trong quá trình thực hiện có sự kiểm tra kiểm soát thường xuyên, khi hoàn thành công việc cần có sự đánh giá hiệu quả, so sánh với các hoạt động trước để đưa ra các biện pháp cải thiện hiệu quả các hoạt động.

2. Thời gian đào tạo: 3,5 năm

3. Tổng số tín chỉ tích lũy: 133 tín chỉ

(Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

4. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quyết định số 3318/QĐ-ĐHHP ngày 06/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Phòng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Hải Phòng.

6. Cách thức đánh giá

Thực hiện theo Quyết định số 3318/QĐ-ĐHHP ngày 06/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Phòng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Hải Phòng.

7. Nội dung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Hướng dẫn sv tự học		
7.1.	Kiến thức giáo dục đại cương		29							
7.1.1.	Lý luận chính trị		13							
1	PHI5212	Triết học Mác - Lênin	3	30		10		5		
2	POL5229	Kinh tế chính trị - Mác Lênin	2	20		5		5	PHI5212	
3	POL5230	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20		5		5	POL5229	
4	HID5201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20		6		4	POL5230	
5	VPL5208	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	20		4		6	HID5201	
6	LAW5201	Pháp luật đại cương	2	20	5			5		
7.1.2.	Khoa học tự nhiên		8							
7	MAT5205	Toán cao cấp	3	25	15			5		
8	MAT5234	Xác suất thống kê	2	15	10			5	MAT5205	
9	INF5200	Tin học cơ sở	3	18			27			
7.1.3.	Ngoại ngữ		8							
10	ENG5201	Tiếng Anh cơ sở 1	4	45	10			5		
11	ENG5202	Tiếng Anh cơ sở 2	4	45	10			5	ENG5201	
7.1.4.	Giáo dục thể chất									
12	PHE5208	Giáo dục Thể chất 1*	1	2			11	2		
13	PHE5209	Giáo dục Thể chất 2*	1	2			11	2		

14	PHE5210	Giáo dục Thể chất 3*	1	2			11	2		
15	PHE5211	Giáo dục Thể chất 4*	1	2			11	2		
16	PHE5212	Giáo dục Thể chất 5*	1	2			11	2		
7.1.5.	Giáo dục quốc phòng- an ninh									
17	DEF5201	Giáo dục Quốc phòng - an ninh*	165							
7.2.	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		104							
7.2.1.	Kiến thức cơ sở khối ngành		6							
18	ECC5202	Kinh tế vi mô 1	3	25	10	3		7		1
19	ECC5205	Kinh tế vĩ mô 1	3	25	10	3		7	ECC5202	2
7.2.2.	Kiến thức cơ sở ngành		11							
20	MAR5202	Marketing căn bản	3	32	13					1
21	MAN5287	Quản lý học	3	30		10		5		1
22	ECC5217	Kinh tế lượng	2	15	10			5		3
23	CIE5201	Giới thiệu ngành QLKT	1	10		5				1
24	ACC5258	Nguyên lý kế toán	2	20	9			1		2
7.2.3.	Kiến thức ngành		72							
7.2.3.1	Kiến thức chung của ngành		35							
	- Bắt buộc		29							
25	ECC5208	Kinh tế và quản lý môi trường	2	18	5	5		2	ECC5202, ECC5205	2
26	ECC5209	Kinh tế phát triển	2	20	5	5		5	ECC5202, ECC5205	4
27	MAN5295	Quản trị kinh doanh 1	3	30			15		MAN5287	4
28	MAN52102	Quản lý nguồn nhân lực	3	30	5	5		5	MAN5287	3
29	MAN5217	Quản lý chất lượng	3	30	5	5		5	MAN5287	4
30	MAN52103	Quản lý thương mại và dịch vụ	3	30	5	5		5	MAN5287	3
31	MAN52104	Quản lý đô thị	3	30	5	5		5	MAN5287	4
32	MAN5262	Quản lý công nghệ	3	30	5	5		5	MAN5287	3

33	STA5250	Thống kê và phân tích kinh tế	3	30	5	10			ECC5202, ECC5205	5
34	ENG5284	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	2	20	5			5		5
35	MAN5250	Quản lý văn phòng	3	30	5	5		5	MAN5287	3
	- Tự chọn		6/16							
36	ECC5210	Kinh tế quốc tế	2	20			10		ECC5202, ECC5205	7
37	ECC5250	Kinh tế và quản lý công nghiệp	3	30		15			ECC5202, ECC5205	7
38	ECC5259	Kinh tế công cộng	3	20	10	3		2	ECC5202, ECC5205	7
39	TRA5238	Thương mại điện tử	2	18	5	5		2	ECC5202, ECC5205	3
40	LAW5203	Luật kinh tế	2	20		10			ECC5202, ECC5205	3
41	MAN52110	Hệ thống thông tin quản lý	2	18	5	5		2	ECC5202, ECC5205	7
42	MAR5250	Marketing dịch vụ công	3	30	15				ECC5202, ECC5205	4
7.2.3.2	<i>Kiến thức chuyên sâu của ngành</i>		36							
	- Bắt buộc		29							
43	MAN5245	Quản lý kinh tế (BTL)	4	40	5	10		5	MAN5287	5
44	MAN5261	ĐAMH Quản lý kinh tế	2					30	MAN5245	5
45	MAN5298	Quản trị sự thay đổi	3	30		10		5	MAN5287	6
46	POL5218	Chính sách kinh tế xã hội	4	40	5	10		5	MAN5287	6
47	ECC5265	Quản lý đầu tư	3	30	5	5		5	MAN5287	6
48	MAN5268	Quản trị chiến lược	4	40	5	10		5	MAN5287	6
49	ORG5200	Lãnh đạo tổ chức	3	30		10		5	MAN5287	6
50	MAN52591	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	30		10		5	MAN5287	5
51	MAN5257	Hành vi tổ chức	3	30	15				MAN5287	3
	- Tự chọn		7/21							
52	MAN52108	Quản lý công	2	25		3		2	MAN5287	5
53	MAN52109	Quản lý thuế	2	25		3		2	MAN5287	6

54	MAN52111	Khoa học quản lý	3	30		10		5	MAN5287	4
55	FIN5218	Tài chính công	3	30	7	3	0	5	ACC 5201	7
56	PLA5202	Hoạch định chính sách KTXH	3	30	5	5		5	MAN5287	7
57	MAN5203	Kỹ năng quản lý	3	30		10		5	MAN5287	7
58	ECC5233	Kinh tế nông thôn	3	30	5	5		5	MAN5287	7
59	ACC5221	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	20	7			3	ACC 5201	7
7.2.4	Thực tập, tốt nghiệp và làm khóa luận		15							
60	ECC5236	Thực tập 1	2				30			4
61	ECC5237	Thực tập 2	3				45		ECC5236	6
62	ECC5229	Thực tập tốt nghiệp	4				60		ECC5237	7
	Tốt nghiệp (làm khóa luận hoặc học bổ sung)		6							
63	KLTN_QLKT	Khóa luận tốt nghiệp	6				90			7
	Tổng cộng		133							

(Những học phần đánh dấu * không tính vào điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa)